

Bản án số: 412/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09/12/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 450/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1984; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; hiện ở: Đà Loan.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu dân cư D, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, đơn xin xét xử vắng mặt, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lê Thị M và người đại diện theo uỷ

quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã K) vào ngày 28/6/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống, tính cách, định hướng kinh tế có nhiều bất đồng, hay xảy ra tranh cãi. Năm 2016 chị M đi Đài Loan lao động, do khoảng cách nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Năm 2019 chị M về Việt Nam mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không hàn gắn được. Thời điểm này chị M làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án thị xã K nhưng vì các con nên đã rút đơn về. Sau đó chị M tiếp tục sang Đài Loan lao động, từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị M xác định vợ chồng ly thân nhiều năm, không còn tình cảm và không quan tâm nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh L.

- Về quan hệ con chung: Chị M và anh L có 02 con chung là Nguyễn Mỹ L1 sinh ngày 10/8/2007 và Nguyễn Thị H sinh ngày 28/01/2012, hiện đang ở cùng anh L. Khi ly hôn chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và giao cháu L1 cho anh L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay chị M đang ở nước ngoài, uỷ quyền cho bà T thay chị M chăm sóc cháu H trong thời gian chị M không ở Việt Nam thì bà T đồng ý, chi phí chăm sóc tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị M, bà T đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị M kết hôn năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi chị M đi Đài Loan được 02 năm thì chị M tự cắt đứt liên lạc với anh L. Từ đó đến nay chị M cũng không về Việt Nam. Anh L xác định anh L không còn tình cảm với chị M nên nếu chị M muốn vợ chồng đoàn tụ thì anh L cũng không đồng ý nhưng chị M muốn làm đơn xin ly hôn thì tùy chị M, anh L không ký.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mỹ L1 sinh ngày 10/8/2007 và Nguyễn Thị H sinh ngày 28/01/2012, hiện đang ở cùng anh L. Chị M có nguyện vọng được nuôi cháu H, giao cháu L1 cho anh L nuôi thì anh L đồng ý, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên trong thời gian chị M ở Đài Loan thì đề nghị tạm giao cháu H cho anh L nuôi dưỡng, khi nào chị M về Việt Nam thì anh L sẽ giao cháu H cho chị M nuôi, chi phí chăm sóc anh L không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh L xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi qua đường bưu điện nhưng việc ly hôn tùy chị M giải quyết nên anh L từ chối tham gia làm việc tại Tòa án.

Tại Công văn số 25609/QLXNC-P3 ngày 28/10/2024, Cục Q – Bộ C cung cấp chị M lần cuối xuất cảnh ngày 29/8/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Lê Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn L; giao con chung Nguyễn Mỹ L1 cho anh L, giao con chung Nguyễn Thị H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tạm giao cháu H cho anh L chăm sóc thay trong thời gian chị M không ở Việt Nam; không ai phải cấp dưỡng nuôi con; chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị M đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh L. Chị M, anh L đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị M hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Chị M cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do lối sống, tính cách, định hướng phát triển kinh tế có nhiều bất đồng, hay xảy ra tranh cãi; sau khi chị M đi Đài Loan lao động thì tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và hiện không còn liên lạc. Anh L cho rằng sau khi chị M đi Đài Loan thì tự cắt đứt liên lạc với anh L, nay nếu chị M muốn đoàn tụ thì anh L cũng không đồng ý. Xét thấy chị M và anh L đều xác định không còn tình cảm vợ chồng; vợ chồng không ai quan tâm

đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ), cần chấp nhận cho chị M ly hôn anh L.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M và anh L có 02 con chung là Nguyễn Mỹ L1 sinh ngày 10/8/2007 và Nguyễn Thị H sinh ngày 28/01/2012, hiện đang ở với anh L. Xét thấy hai bên cơ bản thống nhất quan điểm về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp với nguyện vọng của các con nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, giao cháu L1 cho anh L, giao cháu H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M không ở Việt Nam, đề nghị tạm giao cháu H cho bà ngoại là bà T chăm sóc thay còn anh L đề nghị tạm giao cháu H cho anh L nuôi dưỡng trong thời gian chị M không ở Việt Nam. Xét thấy hiện cháu H đang ở cùng anh L, để thuận tiện cho việc chị em giúp đỡ nhau trong học tập, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của con chung thì cần tạm giao cháu H cho anh L chăm sóc trong thời gian chị M không ở Việt Nam; anh L không yêu cầu về chi phí chăm sóc nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị M là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mỹ L1 sinh ngày 10/8/2007 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Nguyễn Thị H sinh ngày 28/01/2012 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu Nguyễn Thị H cho anh Nguyễn Văn L chăm sóc thay chị Lê Thị M trong thời gian chị M không ở Việt Nam.

Anh Nguyễn Văn L, chị Lê Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do bà Phạm Thị T nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 01/10/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005131; chị M đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường H, TX.K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng